TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 110/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 10 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vàng Văn D, sinh năm 1985; Căn cước công dân: 002085003601; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Chị Sèn Thị N, sinh năm 1989; Căn cước công dân: 002189007399; địa chỉ: Thôn C, xã P, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vàng Văn D và chị Sèn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Văn D và chị Sèn Thị N thỏa thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Vàng Văn D và chị Sèn Thị N có 02 con chung là cháu Vàng Thị Ánh N1, sinh ngày 27/05/2009 và cháu Vàng Minh N2, sinh ngày 14/09/2010. Anh D và chị N thoả thuận thống nhất giao cho anh Vàng Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vàng Thị Ánh N1 và cháu Vàng Minh N2 đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sèn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Sèn Thị N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Anh Vàng Văn D và chị Sèn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Vàng Văn D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000280 ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Thi hành án dân sự tỉnh T có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Vàng Văn D số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Sèn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Pà Vầy Sủ, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Bình